

HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC

Số: Không số

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 1990

PHÁP LỆNH

CHẤT LƯỢNG HÀNG HOÁ

Để tăng cường hiệu lực quản lý Nhà nước, bảo đảm và nâng cao chất lượng hàng hoá, thúc đẩy phát triển kinh doanh, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, lao động; bảo đảm an toàn, vệ sinh, bảo vệ môi trường, bảo vệ quyền và lợi ích của người tiêu dùng; góp phần mở rộng thương mại và hợp tác quốc tế;

Căn cứ vào Điều 100 của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Pháp lệnh này quy định việc quản lý chất lượng hàng hoá.

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1

Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thống nhất quản lý chất lượng hàng hoá trên cơ sở tiêu chuẩn, theo pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia.

Điều 2

Mọi tổ chức, cá nhân trong hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Việt Nam đều phải tuân theo các quy định của Pháp lệnh này, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác.

Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức, cá nhân bảo đảm và nâng cao chất lượng hàng hoá; bảo vệ quyền và lợi ích của người tiêu dùng.

Tổ chức, cá nhân kinh doanh phải chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hoá do mình sản xuất hoặc bán ra.

Điều 3

Hội đồng bộ trưởng thực hiện thống nhất quản lý chất lượng hàng hoá trên cơ sở tiêu chuẩn trong phạm vi cả nước.

Việc quản lý Nhà nước về chất lượng hàng hoá bao gồm:

- 1- Lập quy hoạch, kế hoạch và quy định chế độ, thể lệ về quản lý chất lượng hàng hoá;
- 2- Tổ chức, quản lý hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước về chất lượng hàng hoá;
- 3- Ban hành Tiêu chuẩn Việt Nam; quy định việc áp dụng Tiêu chuẩn Việt Nam, Tiêu chuẩn quốc tế liên quan đến chất lượng hàng hoá;
- 4- Đăng ký và cấp đăng ký về chất lượng hàng hoá; chứng nhận chất lượng hàng hoá, hệ thống bảo đảm chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn Việt Nam và công nhận phòng thử nghiệm chất lượng hàng hoá;
- 5- Thanh tra Nhà nước về chất lượng hàng hoá và xử lý vi phạm pháp luật về chất lượng hàng hoá.

Điều 4

Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan Nhà nước khác và tổ chức xã hội trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm kiểm tra, giám sát và tạo điều kiện thuận lợi để bảo đảm, nâng cao chất lượng hàng hoá.

Mọi tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về chất lượng hàng hoá; kiến nghị các biện pháp về quản lý chất lượng hàng hoá với Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, cơ quan quản lý Nhà nước về chất lượng hàng hoá hoặc cơ quan có thẩm quyền khác. Các cơ quan này trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm xem xét và giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị theo quy định của pháp luật.

Điều 5

Nghiêm cấm việc kinh doanh hàng giả và mọi hành vi gian dối về chất lượng hàng hoá.

CHƯƠNG II

CƠ QUAN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG HÀNG HOÁ

Điều 6

Cơ quan quản lý chất lượng hàng hoá bao gồm cơ quan quản lý Nhà nước, cơ quan quản lý của ngành, của cơ sở về chất lượng hàng hoá.

Điều 7

Cơ quan quản lý Nhà nước về chất lượng hàng hoá bao gồm:

- 1- Tổng cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng thuộc Uỷ ban Khoa học Nhà nước;
- 2- Trung tâm Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng khu vực;
- 3- Chi cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cấp tương đương.

Trong một số lĩnh vực, Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng giao cho cơ quan khác thuộc Hội đồng bộ trưởng thực hiện việc quản lý Nhà nước về chất lượng hàng hoá.

Hội đồng bộ trưởng quy định tổ chức, bộ máy của cơ quan quản lý Nhà nước về chất lượng hàng hoá.

Điều 8

Để đáp ứng yêu cầu quản lý chất lượng hàng hoá, cơ quan quản lý chất lượng hàng hoá của ngành, của cơ sở có thể được thành lập và hoạt động theo sự hướng dẫn của cơ quan quản lý Nhà nước về chất lượng hàng hoá.

Điều 9

Cơ quan quản lý Nhà nước về chất lượng hàng hoá có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- 1- Xây dựng quy hoạch, kế hoạch về tiêu chuẩn hoá và chất lượng hàng hoá trình cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; xây dựng dự án pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng hàng hoá; ban hành văn bản pháp quy về tiêu chuẩn chất lượng hàng hoá thuộc thẩm quyền; tổ chức và kiểm tra việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch và quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng hàng hoá;
- 2- Tổ chức xây dựng Tiêu chuẩn Việt Nam; tham gia xây dựng Tiêu chuẩn quốc tế và kiến nghị việc áp dụng các tiêu chuẩn đó;
- 3- Đăng ký và cấp đăng ký về chất lượng hàng hoá;

- 4- Chứng nhận chất lượng hàng hoá, hệ thống bảo đảm chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn Việt Nam và công nhận phòng thử nghiệm chất lượng hàng hoá;
 - 5- Kiểm tra chất lượng hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu;
 - 6- Thực hiện chức năng thanh tra Nhà nước về chất lượng hàng hoá và xử lý vi phạm pháp luật về chất lượng hàng hoá theo thẩm quyền;
 - 7- Hướng dẫn tổ chức và nghiệp vụ cho cơ quan quản lý chất lượng hàng hoá của ngành, của sở;
 - 8- Nghiên cứu khoa học - kỹ thuật về tiêu chuẩn hoá và chất lượng hàng hoá;
 - 9- Thông tin về tiêu chuẩn hoá và chất lượng hàng hoá;
 - 10- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về tiêu chuẩn hoá và chất lượng hàng hoá;
 - 11- Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tiêu chuẩn hoá và chất lượng hàng hoá.
- Hội đồng bộ trưởng quy định việc phân cấp thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quản lý Nhà nước về chất lượng hàng hoá nói tại Điều này.

CHƯƠNG III

BAN HÀNH VÀ ÁP DỤNG TIÊU CHUẨN

Điều 10

Tiêu chuẩn là văn bản kỹ thuật quy định quy cách, chỉ tiêu, yêu cầu kỹ thuật, phương pháp thử, yêu cầu về bao gói, ghi nhãn, vận chuyển, bảo quản hàng hoá và các vấn đề khác liên quan đến chất lượng hàng hoá.

Điều 11

Tiêu chuẩn Việt Nam là Tiêu chuẩn Nhà nước, được xây dựng trên cơ sở nghiên cứu ứng dụng thành tựu khoa học - kỹ thuật, áp dụng kinh nghiệm tiên tiến và Tiêu chuẩn quốc tế phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam.

Tiêu chuẩn Việt Nam do Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học Nhà nước ban hành theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng. Trong một số lĩnh vực, Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng có thể giao cho thủ trưởng cơ quan khác thuộc Hội đồng bộ trưởng quyền ban hành Tiêu chuẩn Việt Nam theo đề nghị của Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học Nhà nước.

Điều 12

Tiêu chuẩn Việt Nam gồm Tiêu chuẩn Việt Nam bắt buộc áp dụng và Tiêu chuẩn Việt Nam tự nguyện áp dụng.

Cơ quan Nhà nước, tổ chức, cá nhân kinh doanh trong phạm vi quyền hạn có thể tuyên bố Tiêu chuẩn Việt Nam tự nguyện áp dụng là tiêu chuẩn bắt buộc đối với đơn vị mình.

Điều 13

Tổ chức, cá nhân kinh doanh phải tuân thủ Tiêu chuẩn Việt Nam bắt buộc áp dụng.

Nhà nước khuyến khích việc áp dụng Tiêu chuẩn Việt Nam tự nguyện áp dụng.

Điều 14

Tổ chức, cá nhân kinh doanh phải công bố theo quy định của pháp luật tiêu chuẩn chất lượng hàng hoá của mình và có trách nhiệm bảo đảm chất lượng hàng hoá theo tiêu chuẩn đã công bố.

Các ngành, địa phương có quyền công bố tiêu chuẩn ngành, tiêu chuẩn địa phương để áp dụng đối với cơ sở thuộc ngành, địa phương mình.

Các tiêu chuẩn nói tại Điều này không được trái với Tiêu chuẩn Việt Nam bắt buộc áp dụng và được xây dựng theo sự hướng dẫn chung của Tổng cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng.

Điều 15

Tổ chức, cá nhân sản xuất hàng hoá có quyền đăng ký chất lượng hàng hoá của mình với cơ quan quản lý Nhà nước về chất lượng hàng hoá. Tùy theo yêu cầu quản lý chất lượng hàng hoá trong từng thời kỳ, Ủy ban Khoa học Nhà nước quy định danh mục hàng hoá bắt buộc phải đăng ký chất lượng. Tổ chức, cá nhân sản xuất hàng hoá thuộc danh mục này phải đăng ký chất lượng hàng hoá của mình.

Tổ chức, cá nhân sản xuất có trách nhiệm bảo đảm chất lượng hàng hoá theo tiêu chuẩn đã đăng ký.

CHƯƠNG IV

CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN VIỆT NAM

Điều 16